

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 27-3-2024.

V/v: “*Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Xuân Trường.

2/ Ông Mai Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023, về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1969; *nơi cư trú:* Số A, đường B, thôn C, xã MP, huyện ĐL, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1976; *nơi cư trú:* Đường số B1, thôn C, xã MP, huyện ĐL, tỉnh BT.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1968; *nơi cư trú:* Số A1, đường số B2, thôn C1, xã MP, huyện ĐL, tỉnh BT.

+ Bà Hoàng Thị Kim M, sinh năm 1967; *nơi cư trú:* Số A, đường B, thôn C, xã MP, huyện ĐL, tỉnh BT.

+ Ông Võ Văn H1, sinh năm 1973 và bà Trịnh Thị M1, sinh năm 1977; *nơi cư trú:* Số A2, đường B2, khu phố C2, phường TH, Quận S, Tp. HCM.

Tại phiên tòa có mặt ông H, bà T, ông T1 và bà M. Vắng mặt ông H1 và bà M1 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2023, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn H trình bày: Chiều ngày 16/4/2023, khi đi thăm rẫy tại khu vực Đồi 700, thôn C, xã MP, huyện ĐL thì ông phát hiện ông Nguyễn Văn T1 đang cưa 10 cây cao su 11 năm tuổi của mình. Ông đã ngăn chặn và trình báo sự việc đến Công an xã MP. Tại Công an xã MP thì ông T1 khai nhận ông chỉ là người cưa cây thuê theo yêu cầu của bà Võ Thị T (bà T là em ruột của ông Võ Văn H). Sau đó, Công an xã MP có mời bà T lên làm việc và ra quyết định xử phạt hành chính đối với hành vi “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân” đối với bà Võ Thị T; với mức phạt tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Do hai bên không thống nhất được mức bồi thường thiệt hại nên ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết buộc bà Võ Thị T phải bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông (vợ ông H tên Hoàng Thị Kim M) trị giá 10 cây cao su 11 năm tuổi: 10 cây x 4.000.000 đồng/cây = 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Về nguồn gốc số cây cao su bị hủy hoại là do ông Võ Văn H1 trồng (ông H1 là em ruột ông Võ Văn H, đồng thời là anh ruột của bà Võ Thị T). Khi ông H1 bán đất cho ông H thì ông H1 có chỉ rõ ranh giới và tài sản trên đất, còn phần đất bên kia hiện nay đang do bà T canh tác, sử dụng trồng cây điều.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn H khai: Ông xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Ông chỉ yêu cầu bà Võ Thị T phải bồi thường cho vợ chồng ông trị giá tài sản bị thiệt hại là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên bản định giá tài sản lập ngày 18/8/2023.

* Tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Võ Thị T trình bày: Bà không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn H. Vào năm 2012, bà có mua cây cao su và trồng 02 hàng kế đó để khởi ngả tàn qua rẫy của bà. Đến năm 2015, bà đã cưa 02 hàng cao su và có chừa lại 07 cây chính giữa rẫy do cây điều chết đất trống bà để lại. Bà thừa nhận là chỉ cưa 03 cây cao su của ông Võ Văn H1 (là người bán đất cho ông Võ Văn H), 07 cây cao su còn lại nằm trên 01 hàng là của bà T đã trồng, mục đích là để chắn cây cao su của ông H không bị ngã qua rẫy điều của bà. Việc cưa cây cao su là đúng trên phần đất mà cha bà đã

cho bà khoảng 25 năm trước. Do muốn giải phóng số cây để trồng cây khác nên bà có gọi ông Nguyễn Văn T1 thu mua cây để cưa số cây này. Thời điểm ông T1 thu mua cây cao su với giá là 500.000 đồng/10 cây.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T có yêu cầu ông Võ Văn H phải bồi thường thiệt hại đối với 30 cây cao su do ông H phun thuốc cỏ bên phần đất của mình làm số cây cao su này của bà T bị chết. Bà T yêu cầu ông H phải bồi thường cho bà số tiền đã mua mỗi cây là 25.000 đồng/cây, tổng số tiền ông H phải bồi thường là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà T khai: Bà không đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản theo như yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bà có yêu cầu ông H phải bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 30 cây cao su (trị giá 25.000 đồng/cây) do ông H phun thuốc cỏ làm chết số cây cao su nói trên. Tuy nhiên, bà nghĩ không đáng nên không làm đơn yêu cầu phản tố đối với ông Võ Văn H.

* Tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim M trình bày: Bà thống nhất theo ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của chồng bà là ông Võ Văn H, bà không có bổ sung gì.

* Tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Khoảng đầu tháng 5/2023, bà Võ Thị T có bán cho ông 10 cây cao su với giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Sau đó, ông đem bán lại cho người khác làm củi đốt. Khi ông mua cây cao su của bà T thì ông không biết số cây này là của ông Võ Văn H. Về phần ranh giới đất giữa phần đất của ông H và bà T thì ông không rõ, tuy nhiên bà T cam đoan sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm nên ông mới dám tiến hành cưa cây. Về việc khởi kiện của ông Võ Văn H đối với bà T thì ông không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bởi ông không liên quan đến việc này mà chỉ là người cưa cây thuê theo yêu cầu của bà T.

* Tại các bản khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H1 và bà Trịnh Thị M1 trình bày: Ông là em ruột của ông Võ Văn H, đồng thời là anh ruột của bà Võ Thị T. Ngày 20/02/2019, ông có chuyển nhượng cho vợ chồng ông H và bà Hoàng Thị Kim M phần đất rẫy (chưa rõ diện tích) thuộc khu vực Đồi 700, thôn C, xã MP, huyện ĐL, tỉnh BT mà cha mẹ đã cho ông. Tuy nhiên, hai bên chỉ viết giấy tay, chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Những cây cao su

trên đất là do vợ chồng ông (vợ ông H1 tên Trịnh Thị M1) trồng trên phần đất có ranh giới lúc đó, chưa khai thác mủ cao su. Khi bán đất cho ông H thì ông cũng bán luôn cây cao su trên đất. Ông cho rằng lời khai của bà Võ Thị T là không chính xác, khi ông làm rẫy thì cha mẹ ông vẫn còn sống và cha mẹ ông cũng chưa nói với ông vấn đề này. Do vợ chồng ông bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vợ chồng ông bà.

* Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/8/2023; họa đồ 10 cây cao su tranh chấp và những bản ảnh chụp khi xem xét, thẩm định tại chỗ, thể hiện:

- Khoảng cách từ đường vào rẫy đến gốc cây cao su số 1 là 16,8 m.
- Khoảng cách từ gốc cây cao su số 1 đến gốc cây cao su số 3 là 12,6 m.
- Khoảng cách từ gốc cây cao su số 3 đến gốc cây cao su số 10 là 30,2 m.
- Những gốc cây cao su có đường kính như sau:

- + Gốc cây cao su số 1: 32cm.
- + Gốc cây cao su số 2: 33cm.
- + Gốc cây cao su số 3: 35cm.
- + Gốc cây cao su số 4: 30cm.
- + Gốc cây cao su số 5: 30cm.
- + Gốc cây cao su số 6: 30cm.
- + Gốc cây cao su số 7: 20cm.
- + Gốc cây cao su số 8: 27cm.
- + Gốc cây cao su số 9: 27cm.
- + Gốc cây cao su số 10: 23cm.

- Hiện trạng thửa đất của ông Võ Văn H đang canh tác được trồng toàn bộ cây cao su vào năm 2011 (theo lời khai của ông H). Hiện đang trong quá trình khai thác mủ cao su.

- Hiện trạng thửa đất của bà Võ Thị T đang canh tác được trồng bằng cây điều, có trồng xen kẽ cây cao su vào tháng 03/2023 (theo lời khai của bà T).

- Các đương sự đều thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và không có ý kiến gì.

* Theo biên bản định giá tài sản lập ngày 18/8/2023, thể hiện: 10 cây cao su 11 năm tuổi có giá thị trường là 10 cây x 500.000 đồng/cây = 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

* Theo biên bản xác minh lập ngày 01/12/2023 và công văn số 08/CV-CAXMP ngày 16/5/2023 của Công an xã MP, huyện ĐL, thể hiện: Vào khoảng 9 giờ 00 phút ngày 16/4/2023, Công an xã MP tiếp nhận đơn tố cáo của ông Võ Văn H, sinh năm 1969, trú thôn C, MP tố cáo bà Võ Thị T, sinh năm 1976, trú thôn C, MP có cửa 10 cây cao su 11 năm tuổi của ông tại khu vực Đồi 700, thôn C, MP. Công an xã MP đã tổ chức lực lượng kiểm tra hiện trường ghi nhận 10 cây cao su có hoành 50 đến 70 đã bị cửa sát gốc.

Sau khi tiến hành xác minh, Công an xã MP đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Võ Thị T về hành vi “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực ANTT, ATXH. Công an huyện ĐL cũng đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với bà Võ Thị T. Bà Võ Thị T cũng đã đóng phạt theo quy định.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: 10 cây cao do bà Võ Thị T bán cho ông Nguyễn Văn T1 là do bà Trịnh Thị M1 vợ ông Võ Văn H1 trồng trước khi sang nhượng đất cho ông Võ Văn H. Kết hợp với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì trên đất của bà T có cây điều và cây cao su mới trồng năm 2023. Toàn bộ cây cao su trên đất mà

ông H canh tác được trồng năm 2011. Vì vậy, lời khai của bà T về 10 cây cao su 11 năm tuổi do bà T trồng là không có cơ sở chấp nhận.

Ông H nhận chuyển nhượng đất của ông H1, mặc dù về mặt pháp lý thì chưa hoàn tất thủ tục sang tên, tách sổ nhưng ông H đã quản lý, sử dụng và khai thác cây cao su trên phần đất trên và vợ chồng ông H1 cũng thừa nhận đã chuyển nhượng cho ông H nên tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông H. Do đó, bà T tự ý bán cây của vợ chồng ông H thì phải bồi thường là phù hợp. Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T phải bồi thường cho ông H và bà M số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn H1 và bà Trịnh Thị M1 vắng mặt, tuy nhiên các đương sự đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để kết luận đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua xem xét các bản ảnh và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trường xảy ra vụ việc, Hội đồng xét xử nhận thấy: 10 cây cao su bị cưa hạ có đặc điểm và kích thước tương đồng so với những cây cao su trên phần đất do ông Võ Văn H đang quản lý, sử dụng. Trong khi đó, phần diện tích đất của bà Võ Thị T sử dụng chỉ mới trồng cây cao su vào tháng 3/2023, trước khi trồng cây cao su thì bà T canh tác trồng cây điều trên đất.

Theo lời khai của ông Võ Văn H1 và bà Trịnh Thị M1 xác định những cây cao su này là do ông bà trồng, hiện nay ông bà đã bán đất và tài sản trên đất cho vợ chồng ông Võ Văn H và bà Hoàng Thị Kim M. Hơn nữa, theo kết quả xác minh tại Công

an xã MP thể hiện: Công an xã MP đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Võ Thị T về hành vi “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân”. Công an huyện ĐL cũng đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với bà Võ Thị T. Sau khi nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì bà T không có khiếu nại gì và cũng đã chấp hành đóng phạt theo quy định. Do đó, có cơ sở để xác định những cây cao su mà bà T cưa hạ là của vợ chồng ông Võ Văn H.

Căn cứ theo quy định tại Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản đối với hậu quả do mình gây ra. Theo biên bản định giá tài sản lập ngày 18/8/2023, thể hiện: 10 cây cao su 11 năm tuổi có giá thị trường là 10 cây x 500.000 đồng/cây = 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Vì vậy, cần buộc bà Võ Thị T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng ông Võ Văn H và bà Hoàng Thị Kim M số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[2.3] Xét ý kiến và đề nghị của bị đơn: Việc bà T cho rằng vào năm 2012, bà có mua cây cao su và trồng 02 hàng sát đất của ông Võ Văn H1 (là người chuyển nhượng đất và tài sản trên đất cho vợ chồng ông Võ Văn H) với mục đích là để chắn cây cao su của ông H không bị ngã qua rẫy điều của bà. Đến năm 2015, bà T đã cưa 02 hàng cao su, có chừa lại 07 cây chính ở giữa rẫy và bà xác định 07 cây cao su mà bà đã bán cho ông Nguyễn Văn T1 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà là hoàn toàn không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận như đã phân tích tại mục [2.2] nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị T có yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với 30 cây cao su do ông Võ Văn H phun thuốc cỏ bên phần đất của mình làm số cây cao su này của bà T bị chết. Bà T yêu cầu ông H phải bồi thường cho bà số tiền đã mua mỗi cây là 25.000 đồng/cây, tổng số tiền ông H phải bồi thường là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, bà Võ Thị T không làm đơn yêu cầu phản tố nên không có cơ sở để xem xét. Bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định (bao gồm chi phí chụp ảnh). Nguyên đơn đã chi 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên cần buộc bị đơn phải nộp số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[2.5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 156, Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, Điều 165, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn H.

Buộc bà Võ Thị T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Võ Văn H và bà Hoàng Thị Kim M số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc bà Võ Thị T phải nộp số tiền 3.200.000 đồng (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để hoàn trả lại cho ông Võ Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí:

- Buộc bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Ông Võ Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015144 ngày 08/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/3/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THADS huyện Đức Linh,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Thuận